

BÁO CÁO XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM

NĂM 2025

BỘ PHẬN NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

Khối Thị trường Tài chính – Hội sở Ngân hàng Á Châu ACB

442 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM

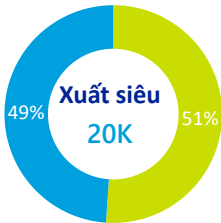
Email: kttc@acb.com.vn – SĐT: (028) 3929 2299 – Ext: 632

TỔNG QUAN SỐ LIỆU
KIM NGẠCH
XUẤT NHẬP KHẨU

Đơn vị: Triệu USD

Tổng kim ngạch XNK
\$930K

▲ 18.3%



Xuất khẩu
\$475K

▲ 17.1%



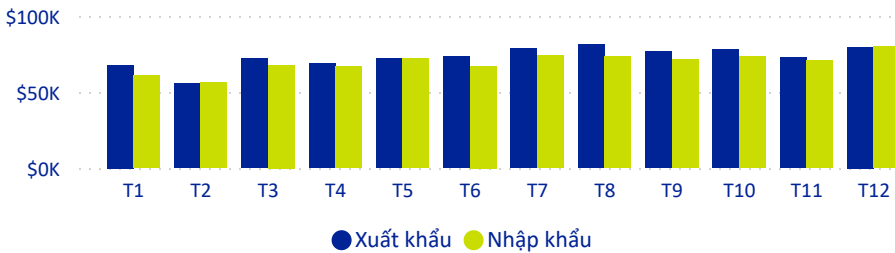
Nhập khẩu
\$455K

▲ 19.5%



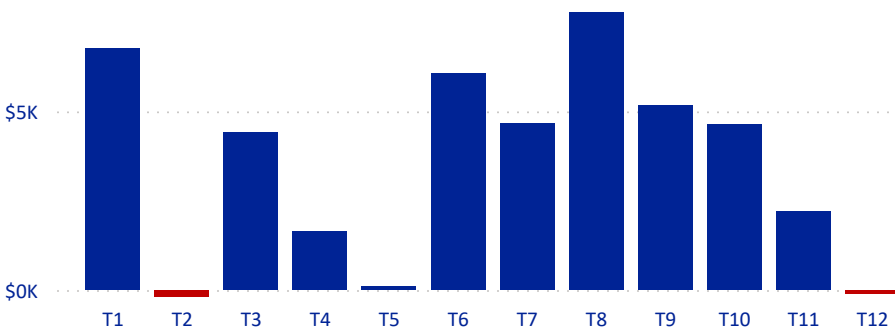
Kim ngạch xuất nhập khẩu

Theo tháng



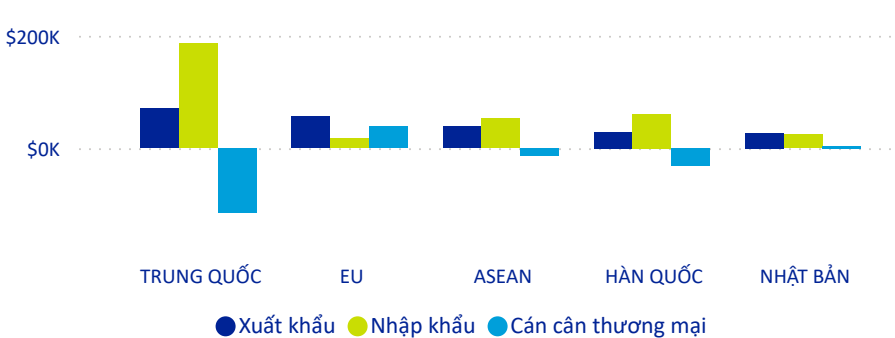
Cán cân thương mại

Theo tháng



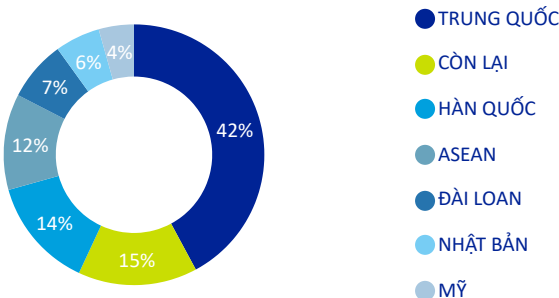
Xuất nhập khẩu tại các thị trường chính

Lũy kế



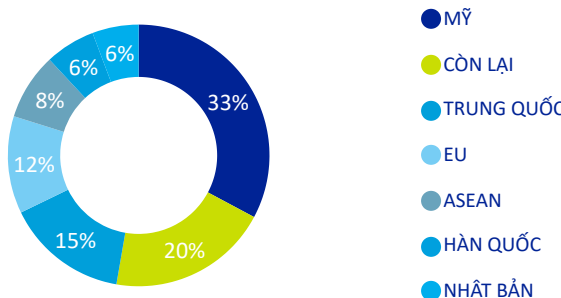
Thị trường nhập khẩu chủ lực

Lũy kế



Thị trường xuất khẩu chủ lực

Lũy kế



XNK THEO NGÀNH HÀNG

Đơn vị: Triệu USD

Top 20 ngành hàng xuất khẩu

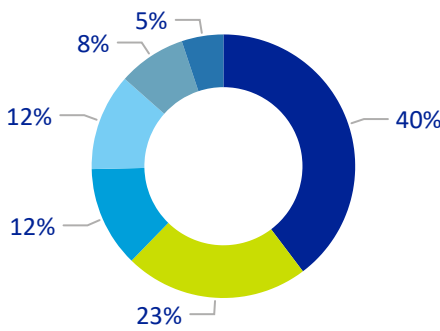
Mặt hàng	Giá trị	%YOY
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	\$107,748	48%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	\$59,047	13%
Điện thoại các loại và linh kiện	\$56,710	5%
Hàng dệt, may	\$39,642	7%
Giày dép các loại	\$24,204	6%
Hàng hóa khác	\$23,192	22%
Phương tiện vận tải và phụ tùng	\$17,530	15%
Gỗ và sản phẩm gỗ	\$17,205	6%
Hàng thủy sản	\$11,286	12%
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	\$9,325	148%
Cà phê	\$8,924	59%
Hàng rau quả	\$8,562	20%
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	\$8,302	4%
Sản phẩm từ chất dẻo	\$7,473	11%
Sắt thép các loại	\$6,627	-27%
Sản phẩm từ sắt thép	\$5,474	19%
Hạt điều	\$5,229	20%
Kim loại thường khác và sản phẩm	\$4,720	13%
Túi xách, ví,vali, mũ, ô, dù	\$4,615	9%
Dây điện và dây cáp điện	\$4,393	26%

Top 20 ngành hàng nhập khẩu

Mặt hàng	Giá trị	%YOY
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	\$150,697	41%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	\$61,027	25%
Hàng hóa khác	\$24,653	11%
Vải các loại	\$15,199	2%
Chất dẻo nguyên liệu	\$12,532	6%
Kim loại thường khác	\$11,374	19%
Điện thoại các loại và linh kiện	\$11,259	8%
Sắt thép các loại	\$11,213	-11%
Sản phẩm từ chất dẻo	\$10,870	23%
Sản phẩm từ sắt thép	\$8,307	28%
Sản phẩm hóa chất	\$8,114	5%
Hóa chất	\$8,086	-2%
Dầu thô	\$7,743	-5%
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	\$7,390	3%
Xăng dầu các loại	\$6,820	-14%
Than các loại	\$6,552	-14%
Linh kiện, phụ tùng ô tô	\$5,933	22%
Sản phẩm từ kim loại thường khác	\$4,844	51%
Ô tô nguyên chiếc các loại	\$4,737	31%
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	\$4,583	-6%

Cơ cấu xuất khẩu

Lũy kế

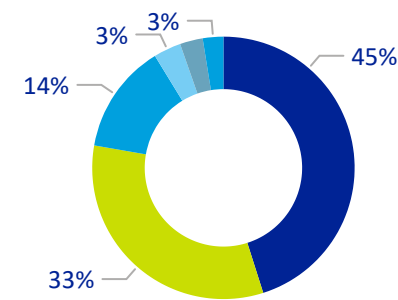


Mặt hàng	Giá trị	%YOY
Còn lại	\$185,355	
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	\$105,479	49%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	\$57,750	14%
Điện thoại các loại và linh kiện	\$55,476	5%
Hàng dệt, may	\$38,984	7%
Giày dép các loại	\$23,905	6%

*Thứ tự Mặt hàng sắp xếp theo Tỷ trọng giảm dần

Cơ cấu nhập khẩu

Lũy kế



Mặt hàng	Giá trị	%YOY
Còn lại	\$199,084	
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	\$144,144	38%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	\$59,687	24%
Vải các loại	\$14,953	2%
Chất dẻo nguyên liệu	\$12,439	6%
Sắt thép các loại	\$11,196	-11%

*Thứ tự Mặt hàng sắp xếp theo Tỷ trọng giảm dần

XNK THEO TỈNH THÀNH

Đơn vị: Triệu USD

Top 10 tỉnh thành xuất khẩu

Tỉnh	Theo tháng	Lũy kế
Bắc Ninh	\$8,942	\$93,270
TP Hồ Chí Minh	\$8,754	\$92,676
Hải Phòng	\$4,330	\$46,548
Phú Thọ	\$3,617	\$36,587
Đồng Nai	\$3,210	\$35,013
Ninh Bình	\$2,578	\$26,345
Thái Nguyên	\$1,939	\$30,109
Hà Nội	\$1,896	\$20,889
Tây Ninh	\$1,734	\$17,851
Hưng Yên	\$909	\$9,547

Top 10 tỉnh thành nhập khẩu

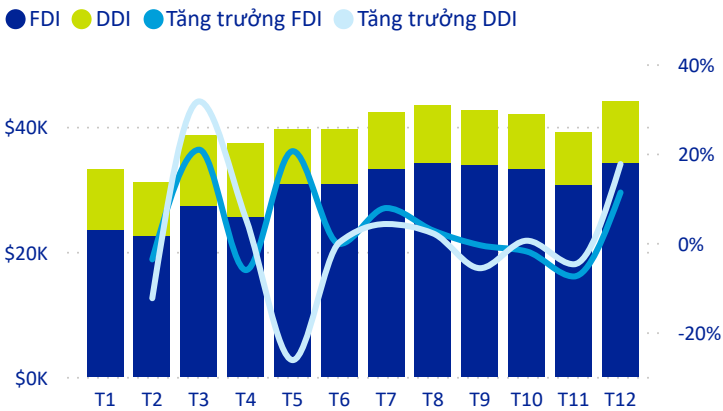
Tỉnh	Theo tháng	Lũy kế
TP Hồ Chí Minh	\$9,887	\$99,852
Bắc Ninh	\$8,304	\$87,842
Hà Nội	\$5,222	\$48,249
Hải Phòng	\$3,908	\$40,629
Phú Thọ	\$3,837	\$38,025
Đồng Nai	\$2,259	\$24,247
Ninh Bình	\$2,015	\$22,859
Thái Nguyên	\$1,924	\$20,192
Tây Ninh	\$1,404	\$13,619
Hưng Yên	\$817	\$8,244

XUẤT NHẬP KHẨU THEO KHU VỰC FDI - DDI

Đơn vị: Triệu USD

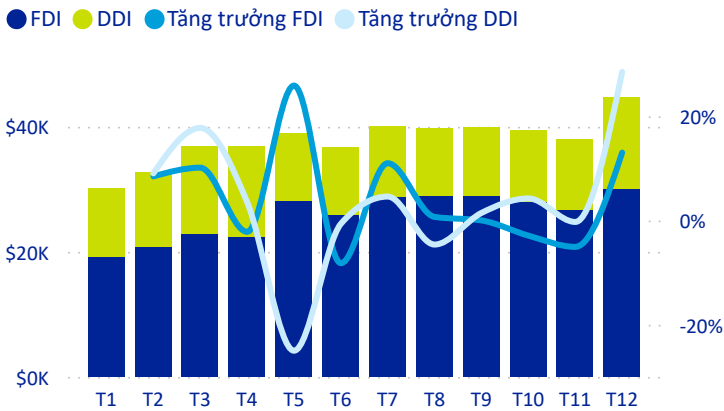
Tổng quan xuất khẩu 2 khu vực

Theo tháng



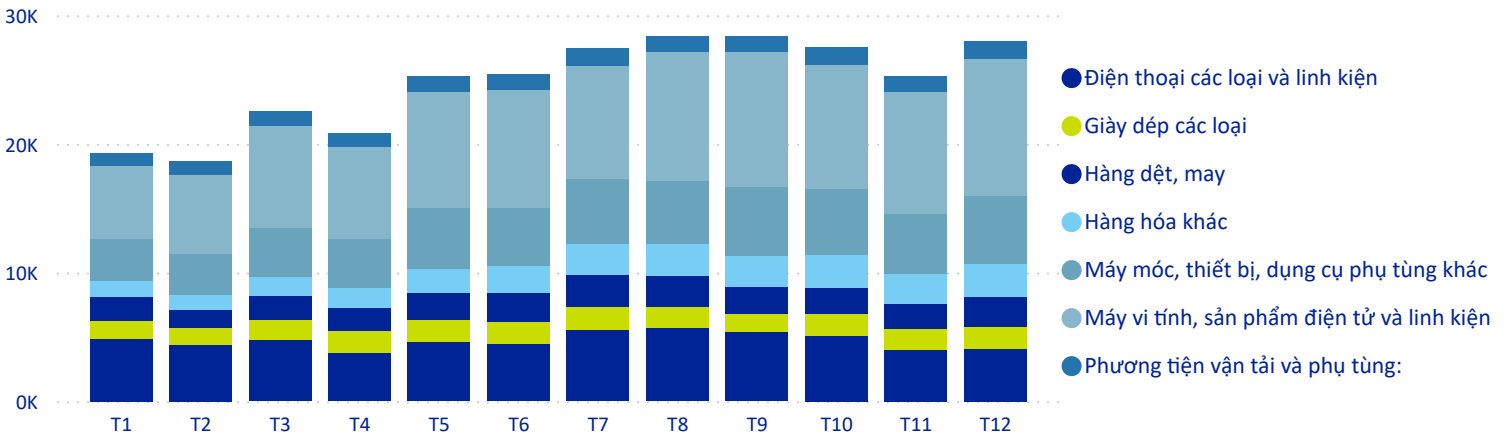
Tổng quan nhập khẩu 2 khu vực

Theo tháng



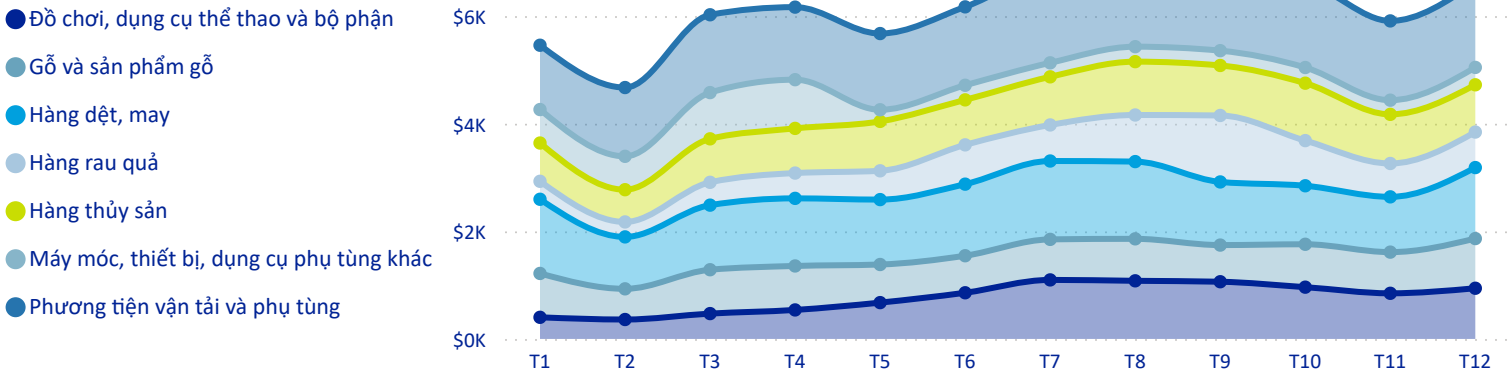
Sản phẩm xuất khẩu chủ lực khu vực FDI

Theo tháng



Sản phẩm xuất khẩu chủ lực khu vực DDI

Theo tháng



Đơn vị: Triệu USD

MỸ

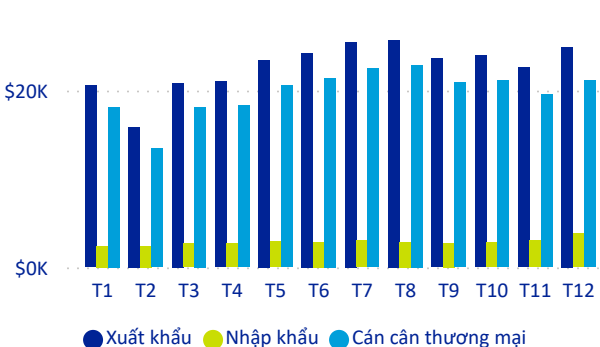
Xuất khẩu
\$153K

▲ 28%

Nhập khẩu
\$19K

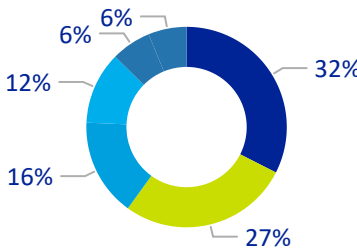
▲ 28%

Kim ngạch xuất nhập khẩu của Mỹ
Theo tháng



Cơ cấu xuất khẩu

Lũy kế

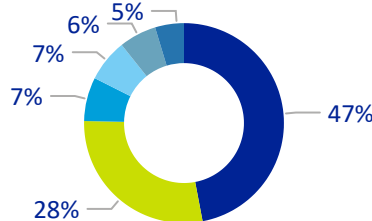


Mặt hàng	Giá trị	%YOY
Còn lại	\$49,756	
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	\$42,085	81%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	\$24,128	9%
Hàng dệt, may	\$17,883	11%
Điện thoại các loại và linh kiện	\$9,864	0%
Gỗ và sản phẩm gỗ	\$9,460	4%

*Tỷ trọng mặt hàng giảm dần

Cơ cấu nhập khẩu

Lũy kế

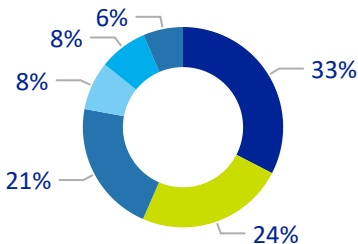


Mặt hàng	Giá trị	%YOY
Còn lại	\$9,068	
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	\$5,460	26%
Bông các loại	\$1,367	101%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	\$1,326	21%
Chất dẻo nguyên liệu	\$1,165	49%
Hàng rau quả	\$901	66%

*Tỷ trọng mặt hàng giảm dần

Cơ cấu xuất khẩu

Lũy kế

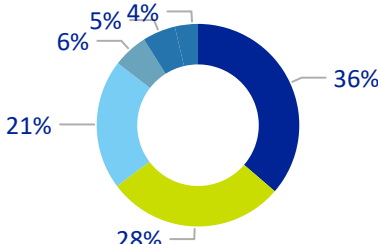


Mặt hàng	Giá trị	%YOY
Còn lại	\$22,953	
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	\$16,887	34%
Điện thoại các loại và linh kiện	\$15,054	-2%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	\$5,521	64%
Hàng rau quả	\$5,502	19%
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	\$4,535	-1%

*Tỷ trọng mặt hàng giảm dần

Cơ cấu nhập khẩu

Lũy kế



Mặt hàng	Giá trị	%YOY
Còn lại	\$67,540	
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	\$52,886	53%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	\$38,592	33%
Vải các loại	\$10,370	4%
Điện thoại các loại và linh kiện	\$9,798	8%
Sản phẩm từ chất dẻo	\$6,849	34%

*Tỷ trọng mặt hàng giảm dần

TRUNG QUỐC

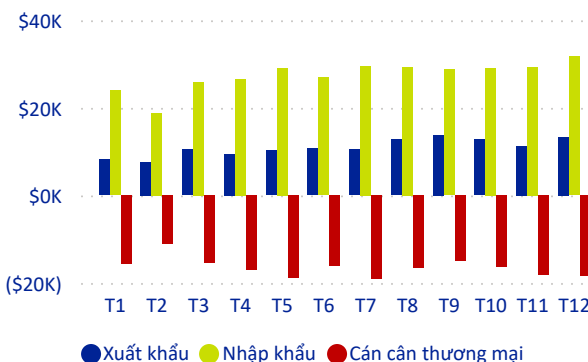
Xuất khẩu
\$70K

▲ 15%

Nhập khẩu
\$186K

▲ 29%

Kim ngạch xuất nhập khẩu của Trung Quốc
Theo tháng



Nguồn: TCHQ – Tổng hợp: BP Nghiên cứu TTTC

Đơn vị: Triệu USD

EU

Xuất khẩu
\$56K

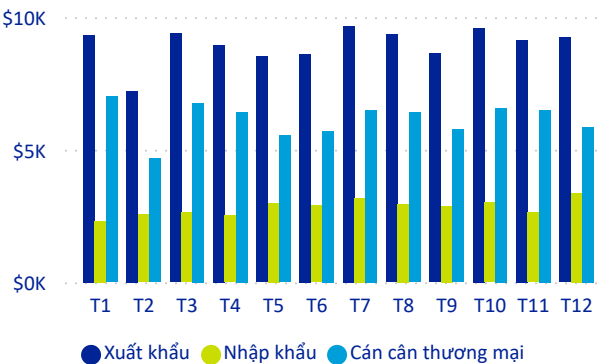
▲ 9%

Nhập khẩu
\$18K

▲ 5%

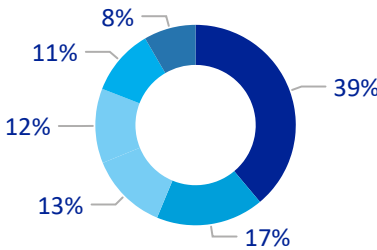
Kim ngạch xuất nhập khẩu của EU

Theo tháng



Cơ cấu xuất khẩu

Lũy kế

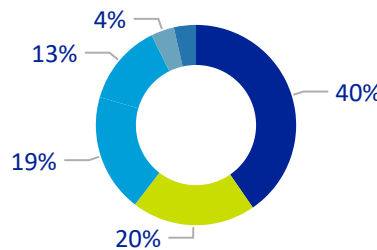


Mặt hàng	Giá trị	%YOY
Còn lại	\$21,850	
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	\$9,763	12%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	\$7,058	1%
Điện thoại các loại và linh kiện	\$6,769	10%
Giày dép các loại	\$6,019	5%
Hàng dệt, may	\$4,715	11%

*Tỷ trọng mặt hàng giảm dần

Cơ cấu nhập khẩu

Lũy kế

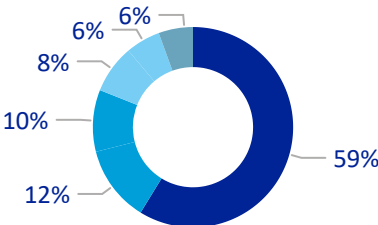


Mặt hàng	Giá trị	%YOY
Còn lại	\$7,125	
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	\$3,533	14%
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	\$3,364	-7%
Dược phẩm	\$2,330	2%
Sản phẩm hóa chất	\$659	-6%
Phương tiện vận tải khác và phụ tùng	\$628	58%

*Tỷ trọng mặt hàng giảm dần

Cơ cấu xuất khẩu

Lũy kế

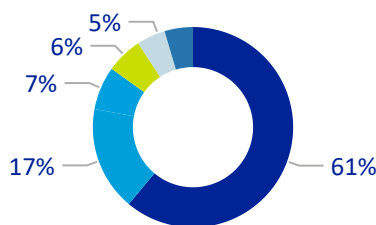


Mặt hàng	Giá trị	%YOY
Còn lại	\$22,568	
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	\$4,718	52%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	\$3,834	13%
Phương tiện vận tải và phụ tùng	\$2,999	38%
Điện thoại các loại và linh kiện	\$2,153	5%
Hàng dệt, may	\$2,132	2%

*Tỷ trọng mặt hàng giảm dần

Cơ cấu nhập khẩu

Lũy kế



Mặt hàng	Giá trị	%YOY
Còn lại	\$32,125	
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	\$8,853	48%
Xăng dầu các loại	\$3,678	-20%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	\$3,100	23%
Ô tô nguyên chiếc các loại	\$2,427	7%
Kim loại thường khác	\$2,412	10%

*Tỷ trọng mặt hàng giảm dần

ASEAN

Xuất khẩu
\$38K

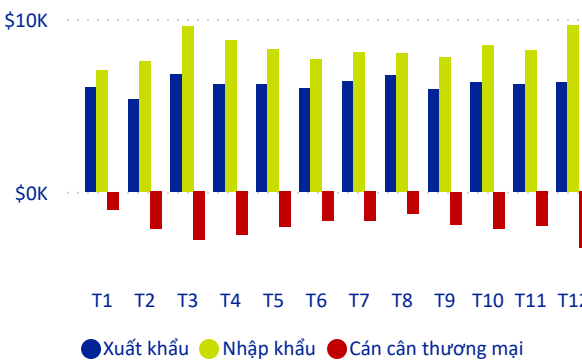
▲ 4%

Nhập khẩu
\$53K

▲ 12%

Kim ngạch xuất nhập khẩu của ASEAN

Theo tháng



Đơn vị: Triệu USD

HÀN QUỐC

Xuất khẩu
\$29K

▲ 13%

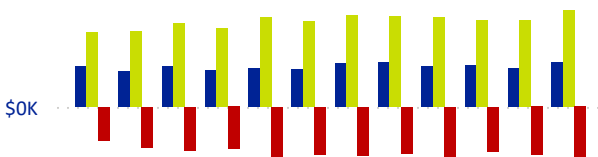
Nhập khẩu
\$61K

▲ 8%

Kim ngạch xuất nhập khẩu của Hàn Quốc

Theo tháng

\$20K

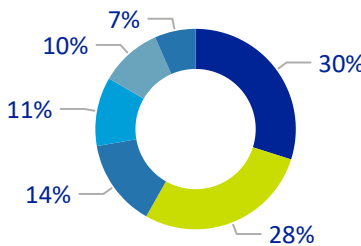


T1 T2 T3 T4 T5 T6 T7 T8 T9 T10 T11 T12

● Xuất khẩu ● Nhập khẩu ● Cán cân thương mại

Cơ cấu xuất khẩu

Lũy kế



Mặt hàng

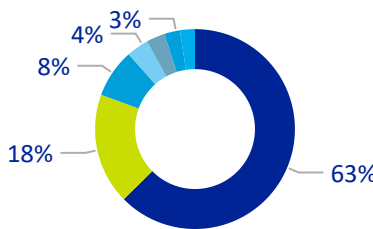
Giá trị %YOY

Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	\$8,654	51%
Còn lại	\$8,191	
Điện thoại các loại và linh kiện	\$4,078	15%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	\$3,222	-1%
Hàng dệt, may	\$2,886	-8%
Phương tiện vận tải và phụ tùng	\$1,914	21%

*Tỷ trọng mặt hàng giảm dần

Cơ cấu nhập khẩu

Lũy kế



Mặt hàng

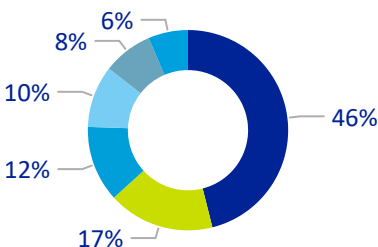
Giá trị %YOY

Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	\$37,911	19%
Còn lại	\$10,872	
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	\$4,771	-9%
Chất dẻo nguyên liệu	\$2,164	-7%
Xăng dầu các loại	\$1,829	-22%
Sản phẩm từ chất dẻo	\$1,525	0%

*Tỷ trọng mặt hàng giảm dần

Cơ cấu xuất khẩu

Lũy kế



Mặt hàng

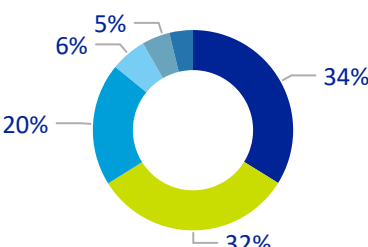
Giá trị %YOY

Còn lại	\$12,332	
Hàng dệt, may	\$4,595	6%
Phương tiện vận tải và phụ tùng	\$3,287	9%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	\$2,679	-3%
Gỗ và sản phẩm gỗ	\$2,153	23%
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	\$1,718	18%

*Tỷ trọng mặt hàng giảm dần

Cơ cấu nhập khẩu

Lũy kế



Mặt hàng

Giá trị %YOY

Còn lại	\$7,959	
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	\$4,886	22%
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	\$8,347	24%
Phế liệu sắt thép	\$1,114	12%
Sản phẩm từ chất dẻo	\$939	16%
Sắt thép các loại	\$1,430	-5%

*Tỷ trọng mặt hàng giảm dần

NHẬT BẢN

Xuất khẩu
\$27K

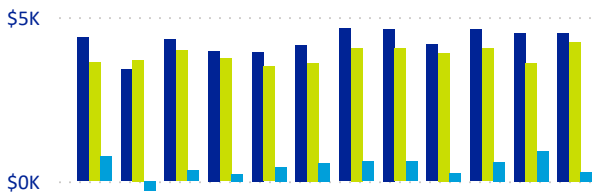
▲ 9%

Nhập khẩu
\$25K

▲ 14%

Kim ngạch xuất nhập khẩu của Nhật Bản

Theo tháng

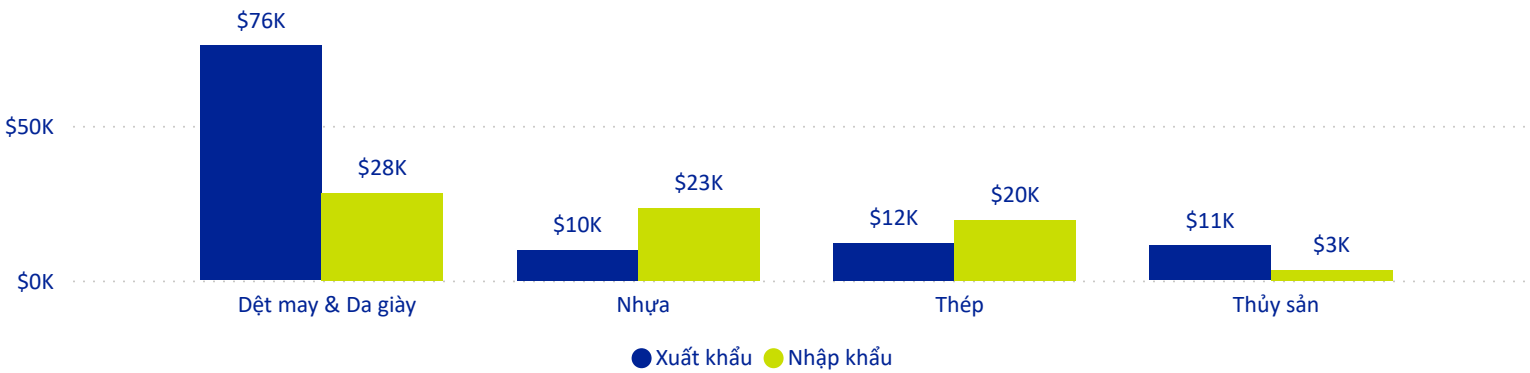


T1 T2 T3 T4 T5 T6 T7 T8 T9 T10 T11 T12

● Xuất khẩu ● Nhập khẩu ● Cán cân thương mại

Kim ngạch xuất nhập khẩu theo ngành

Lũy kế (Triệu USD)

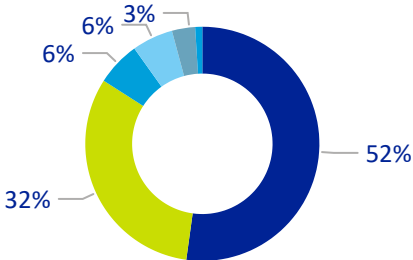


DỆT MAY & DA GIÀY

Đơn vị: Triệu USD

Cơ cấu xuất khẩu

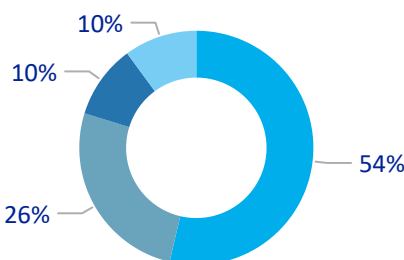
Lũy kế



Mặt hàng	Giá trị	%YOY
Hàng dệt, may	\$39,642	7%
Giày dép các loại	\$24,204	6%
Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù	\$4,615	9%
Xơ, sợi dệt các loại	\$4,314	-2%
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	\$2,433	9%
Vải mảnh, vải kỹ thuật khác	\$744	-4%

Cơ cấu nhập khẩu

Lũy kế



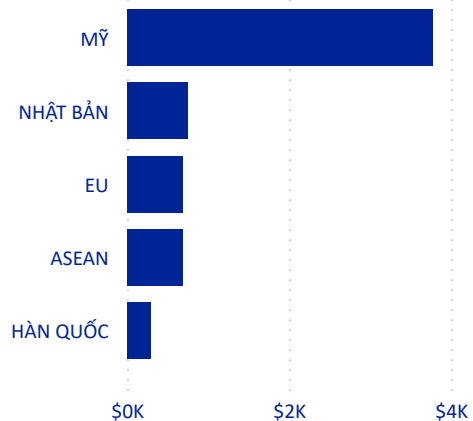
Mặt hàng	Giá trị	%YOY
Vải các loại	\$15,199	1.90%
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	\$7,390	3.30%
Bông các loại	\$2,880	-0.30%
Xơ, sợi dệt các loại	\$2,850	4.90%

NHỰA

Đơn vị: Triệu USD

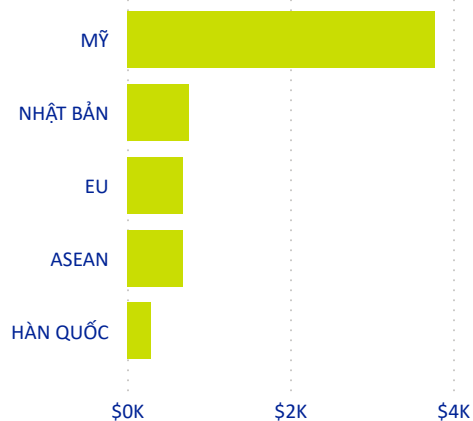
Thị trường chính xuất khẩu sản phẩm chất dẻo

Lũy kế



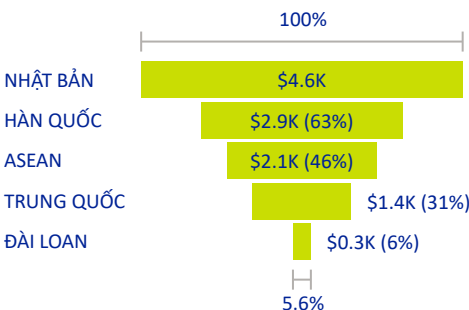
Thị trường chính nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu

Lũy kế



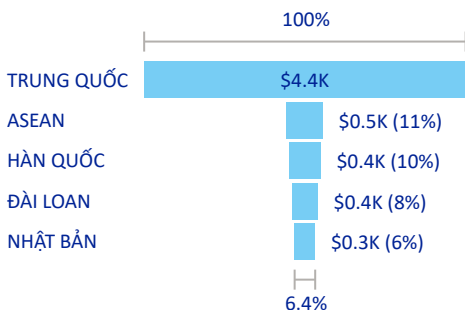
Thị trường chính xuất khẩu hàng dệt, may

Lũy kế (% là tỷ lệ so với thị trường xuất khẩu lớn nhất)



Thị trường chính nhập khẩu NPL dệt may, da giày

Lũy kế (% là tỷ lệ so với thị trường nhập khẩu lớn nhất)

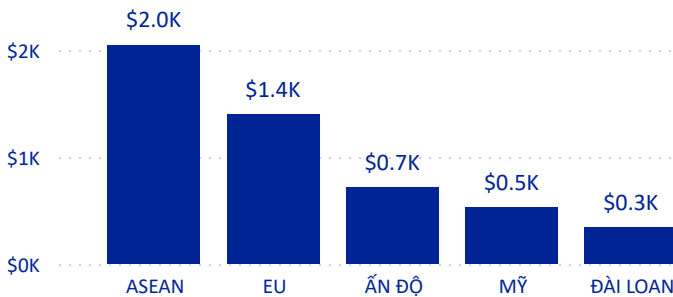


THÉP

Đơn vị: Triệu USD

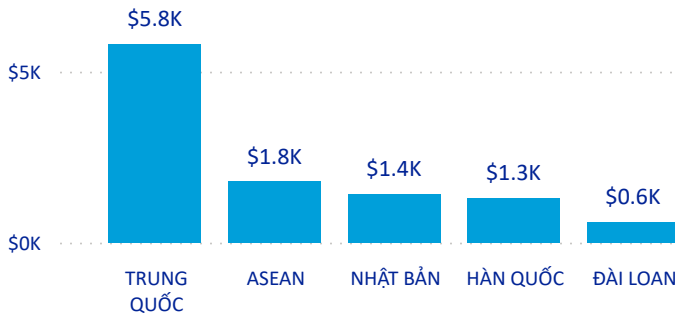
Thị trường chính xuất khẩu sắt thép các loại

Lũy kế



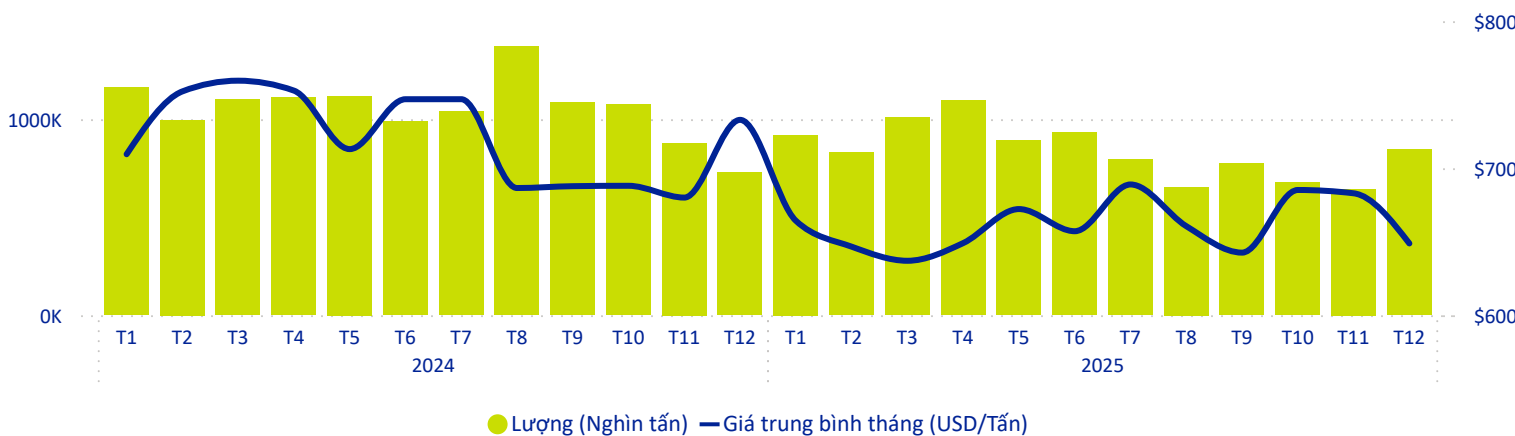
Thị trường chính xuất khẩu sắt thép các loại

Lũy kế



Khối lượng và giá thép xuất khẩu

Theo tháng

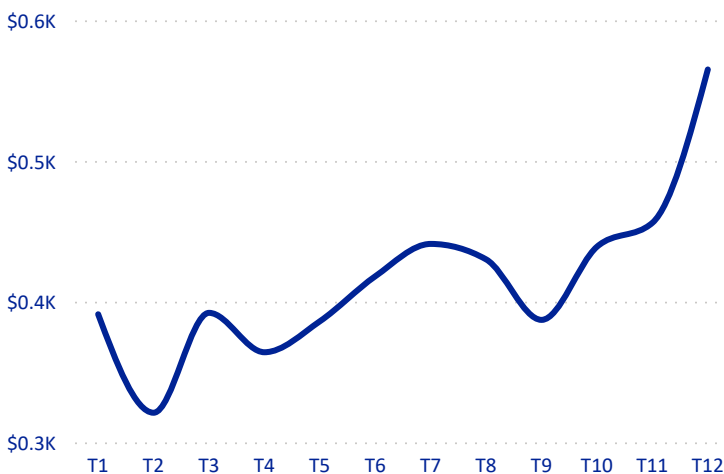


THỦY SẢN

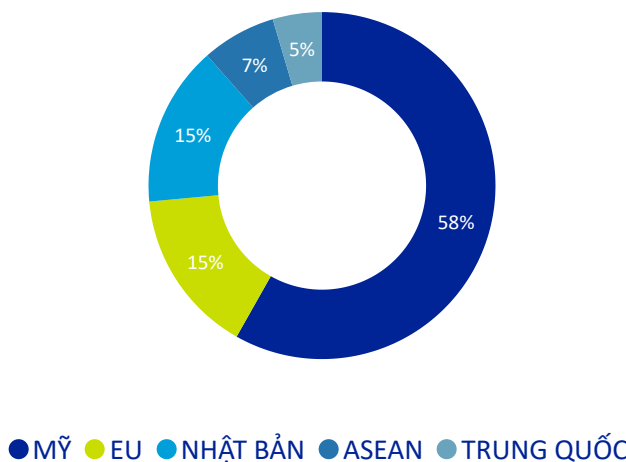
Đơn vị: Triệu USD

Kim ngạch xuất khẩu thủy sản

Theo tháng



Thị trường chính xuất khẩu thủy sản



Bản báo cáo phân tích này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin, ACB không cung cấp bất kỳ bảo đảm rõ ràng hay ngụ ý nào và không chịu trách nhiệm về sự phù hợp của các thông tin chứa đựng trong báo cáo cho một mục đích sử dụng cụ thể. ACB sẽ không xem những người nhận báo cáo, không nhận trực tiếp từ ACB, là khách hàng của ACB. Các mức tỷ giá được trình bày trong kết luận của báo cáo (nếu có) chỉ mang tính tham khảo. ACB không đề nghị hoặc khuyến khích khách hàng tiến hành mua hoặc bán dựa trên báo cáo này. ACB, các tổ chức liên quan của ACB, ban quản lý, đối tác hoặc nhân viên của ACB sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ **(a)** các thiệt hại trực tiếp, gián tiếp; hoặc **(b)** các khoản tổn thất do mất lợi nhuận, doanh thu, cơ hội kinh doanh hoặc các khoản tổn thất khác, kể cả khi ACB đã được thông báo về khả năng xảy ra thiệt hại hoặc tổn thất đó, phát sinh từ việc sử dụng bản báo cáo phân tích này hoặc thông tin trong đó. Ngoài các thông tin liên quan đến ACB, các thông tin khác trong bản báo cáo này được thu thập từ các nguồn mà ACB cho rằng đáng tin cậy, tuy nhiên ACB không bảo đảm tính đầy đủ và chính xác của các thông tin đó. Các quan điểm trong báo cáo có thể bị thay đổi bất kỳ lúc nào và ACB không có nghĩa vụ cập nhật các thông tin và quan điểm đã bị thay đổi đó cho khách hàng đã nhận báo cáo này. Bản báo cáo có chứa đựng các giả định, quan điểm của chuyên gia phân tích, tác giả của báo cáo. ACB không chịu trách nhiệm cho bất kỳ sai sót nào của họ phát sinh trong quá trình lập báo cáo, đưa ra các giả định, quan điểm. Trong tương lai, ACB có thể sẽ phát hành các bản báo cáo có thông tin mâu thuẫn hoặc thậm chí có nội dung kết luận đi ngược lại hoàn toàn với bản báo cáo này. Các khuyến nghị trong bản báo cáo này hoàn toàn là của riêng chuyên gia phân tích, các khuyến nghị đó không được đưa ra dựa trên các lợi ích của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào, kể cả lợi ích của ACB. Các kết luận trong báo cáo không nhằm tiên đoán thực tế do đó nó có thể khác xa so với thực tế. Kết quả diễn biến của thị trường trong quá khứ không bảo đảm cho xu hướng thị trường trong tương lai.

Mọi quyền sở hữu trí tuệ và quyền tác giả là của ACB và/hoặc chuyên gia phân tích. Bản báo cáo phân tích này không được phép sao chép, toàn bộ hoặc một phần, khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của ACB.

Khối Thị trường Tài chính

Hội sở Ngân hàng Á Châu ACB

Email: ktttc@acb.com.vn

Bộ phận nghiên cứu Thị trường tài chính

Nguyễn Khánh Hoàng

Giám đốc Nghiên cứu Thị trường Tài chính

Email: hoangnk@acb.com.vn

Phòng Bán hàng Sản phẩm TTTC

Khối Thị trường Tài chính

Liên hệ: (028) 3929 2299

Email: ktttc.pbhsppttc@acb.com.vn

Lê Kim Ngân

Chuyên viên Nghiên cứu Thị trường Tài chính

Email: nganlk06@acb.com.vn